

Số: 04 /CTr-UBND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”

Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hoá và triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ, nhất quán các quan điểm, đường lối, định hướng và nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo thẩm quyền tại Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 19/4/2026 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương.

2. Chương trình hành động của UBND tỉnh là căn cứ để các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tổ chức thực hiện quyết liệt, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, thống nhất trong thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên.

3. Trong quá trình triển khai Chương trình hành động, yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường nghiêm túc quán triệt các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, các quan điểm chỉ đạo theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Kết luận số 18-KL/TW và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên

lần thứ I; trong đó đặc biệt chú trọng 12 định hướng phát triển đất nước, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược; với phương châm hành động “*Đoàn kết, kỷ cương - Dân chủ, đổi mới - Đột phá, phát triển - Gắn dân, vì dân*”; phát huy tinh thần đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm, chủ động đổi mới, sáng tạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026 – 2030

1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số"

Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách; đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật, khung pháp lý và các nội dung liên quan do các Bộ, ngành xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ.

Chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ “*tiền kiểm*” sang “*hậu kiểm*”; nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, đề xuất xây dựng tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành bảo đảm chuyển tư duy đánh giá hiệu quả pháp luật từ “*tốt trong văn bản*” sang “*tốt trong cuộc sống*”; tiếp tục có giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước; nghiên cứu, đề xuất các quy định nhằm bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

Tháo gỡ các *rào cản, điểm nghẽn*, khơi thông nguồn lực cho phát triển: Chủ động rà soát, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, tham mưu cấp có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai, nhất là các nội dung chồng chéo, bất cập của pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, thương mại, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng, phát triển năng lượng, phát triển

công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi năng lượng, công nghệ số,... Đồng thời rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành của tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, quy hoạch, xây dựng, tài chính – ngân sách; kịp thời tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, bảo đảm đồng bộ, khả thi. Rà soát, xử lý các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng; tập trung tháo gỡ kịp thời đối với các dự án trọng điểm, dự án chậm tiến độ.

Cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đảm bảo kiên thông, kết nối dữ liệu giữa các cơ quan, nâng cao tính công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; xây dựng và triển khai các giải pháp cụ thể nhằm cải thiện *Chỉ số cải cách hành chính (PAR index)*, *Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)*, thường xuyên theo dõi, đánh giá, phân tích nguyên nhân, đề ra các giải pháp khắc phục các chỉ số còn thấp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết thủ tục liên thông. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành; gắn kết quả cải cách hành chính với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch, ổn định, cạnh tranh, nâng cao *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)*, *Chỉ số đánh giá thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA index)*, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án, Kế hoạch về Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên; chủ động hướng dẫn nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, triển khai dự án, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc; triển khai có hiệu quả *cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%”*¹ trên địa bàn tỉnh, góp phần khơi thông nguồn lực, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp, cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không cần thiết, mâu thuẫn, chồng chéo, không rõ ràng và cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tổ chức đối thoại định kỳ với doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, nhà đầu tư; thiết lập kênh tiếp nhận, xử lý kiến nghị hiệu quả; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

¹ Công văn số 6787/UBND-TTPVHCC ngày 10/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Triển khai thực hiện hiệu quả **điều chỉnh Quy hoạch tỉnh** Thái Nguyên, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050² và quy hoạch liên quan nhằm khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng ngành, lĩnh vực, địa phương của tỉnh mở ra các không gian, động lực phát triển mới; tiếp tục triển khai thực hiện lập **Quy hoạch chung xã, phường và Quy hoạch đô thị** theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, địa bàn quản lý đảm bảo tiến độ theo quy định; nghiên cứu xây dựng Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060.

Tiếp tục thực hiện **phân cấp, phân quyền** trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác, đi đôi với phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao năng lực tổ chức thực thi của các cấp, các ngành và gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát theo quy định: Tổ chức rà soát toàn diện các nội dung phân cấp, ủy quyền; kịp thời tham mưu, đề xuất, điều chỉnh theo hướng rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, bảo đảm phù hợp với năng lực và điều kiện thực tiễn của từng cấp, từng ngành. Bảo đảm việc phân cấp đi đôi với phân bổ hợp lý về nguồn lực tài chính, nhân lực và điều kiện thực thi; tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là ở cấp cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện phân cấp mạnh hơn. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra trong nội bộ cơ quan hành chính nhà nước; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, sai phạm. Đề xuất hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, bảo đảm công khai, minh bạch; phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng lạm quyền, tiêu cực, tham nhũng trong thực thi nhiệm vụ. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong giám sát việc thực hiện phân cấp, phân quyền.

Thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới gắn với tình hình, điều kiện phát triển thực tế của tỉnh: kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm (*tuyến phố đi bộ, phố đêm tại đường Minh Cầu, Quảng trường Võ Nguyên Giáp, Quảng trường Vạn Xuân,...*).

Thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển mạnh kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn; chính sách quản lý, sử dụng hợp lý, linh hoạt đất trồng lúa, chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả thấp sang sản xuất cây trồng, vật nuôi, sản xuất công nghiệp hoặc mục đích sử dụng khác có hiệu quả cao; cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư,... cho phát triển kinh tế nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư, thử nghiệm, thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội cho các mô hình sản xuất nông nghiệp dựa trên công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

² Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh.

3. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả: (i) các Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị³; (ii) các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do các Bộ, ngành xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ; (iii) các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế theo Chương trình hành động số 09-CTr/ĐU ngày 20/11/2025 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; (iv) Kế hoạch thực hiện các đề án⁴ của Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh.

Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ chất lượng cao; giảm dần phụ thuộc vào các ngành sử dụng nhiều tài nguyên, lao động giản đơn. Xây dựng mô hình tăng trưởng với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là trọng tâm để thúc đẩy; tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển, thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (*đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu*), khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công: Tổ chức các trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư; tăng cường thẩm định, lựa chọn dự án bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; xây dựng **Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên** đảm bảo lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên có trọng tâm, trọng điểm trên các lĩnh vực, đảm bảo **giảm số lượng dự án tối thiểu 30%** so với giai đoạn 2021-2025; xác định rõ danh mục dự án ưu tiên, bảo đảm tập trung, không dàn trải, gắn với mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững; khắc phục tình trạng chuẩn bị

³ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước; Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam.

⁴ Phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên theo hướng xanh, hiện đại giai đoạn 2026 – 2030; Phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030; Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

đầu tư sơ sài, điều chỉnh nhiều lần. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc chủ đầu tư, nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai, phấn đấu đạt mục tiêu giải ngân theo ***Chỉ thị 01/CT-UBND ngày 14/01/2026 của UBND tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2026.***

Ưu tiên thu hút, phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất khu vực và toàn cầu. Thực hiện các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách đột phá, đồng bộ để phát triển, nâng cao sức cạnh tranh, năng lực sản xuất các ngành công nghiệp mũi nhọn, có lợi thế của tỉnh như: điện tử, chế tạo, chế biến cơ khí, luyện kim, chế biến nông, lâm sản, chế biến khoáng sản, ngành may mặc,... phát triển các sản phẩm công nghiệp trọng điểm. Nâng cao năng lực sản xuất các ngành công nghiệp chiến lược; ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh; hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao. Phối hợp phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn. Ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghệ mới nổi như công nghiệp chip bán dẫn, công nghiệp robot và tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, năng lượng mới,...

Thu hút đầu tư và mở rộng không gian phát triển công nghiệp của tỉnh, trong đó tập trung phát triển ***13 khu công nghiệp đã được thành lập (06 khu công nghiệp đang hoạt động và 07 khu công nghiệp đang triển khai thực hiện)***, đồng thời thực hiện quy hoạch, lựa chọn nhà đầu tư đối với ***20 khu công nghiệp mới bổ sung*** theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư lớn đối với các dự án hạ tầng khu công nghiệp, dự án công nghệ cao, công nghiệp điện tử và công nghiệp bán dẫn,...; các dự án mở rộng sản xuất của doanh nghiệp FDI hiện hữu,... Phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn.

Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics gắn với các tuyến đường cao tốc, vành đai công nghiệp liên vùng, trục giao thông huyết mạch,... Hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại, phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa. Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng hàng hóa xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tăng cường xuất khẩu địa phương.

Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, sở hữu chéo; nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống; tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại nhà nước từ các nguồn: lợi nhuận sau thuế và trích lập

các quỹ, phát hành cổ phiếu, ngân sách nhà nước,... theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế; phát triển lành mạnh và đa dạng hoá các nguồn vốn, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, kinh tế tập thể. Nâng cao hiệu quả quản lý thị trường vàng. Quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, minh bạch, bền vững, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân.

Xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp đột phá phát triển du lịch. Đẩy nhanh tiến độ triển khai và đưa vào khai thác các dự án lớn như: *Dự án khu du lịch quốc tế 5 sao hồ Núi Cốc; Dự án khu đô thị mới, phố đi bộ trung tâm tỉnh; Dự án Khách sạn Route Inn Grand Thái Nguyên;*... Khai thác sử dụng hiệu quả *02 Dự án Sân gôn đầu tiên* của tỉnh (*Sân gôn Tân Thái tại xã Đại Phúc và Sân gôn Glory tại xã Thành Công*). Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ du lịch cao cấp (*khu nghỉ dưỡng, khu phức hợp, sân gôn*), du lịch cộng đồng gắn với văn hóa Trà Thái Nguyên, du lịch về nguồn – giáo dục truyền thống,... dựa trên thế mạnh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm, tâm linh và du lịch liên kết vùng.

Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao. Xây dựng Thái Nguyên trở thành trung tâm thương mại vùng, giao thương cho toàn vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị, có hiệu quả; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, giá trị gia tăng cao; phát triển thương hiệu các ngành hàng nông sản chiến lược, hình thành các vùng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản quy mô lớn gắn với phát triển sản phẩm OCOP của tỉnh; phát triển các mô hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với các vùng sản xuất; nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm và thúc đẩy chế biến, tiêu thụ nội địa, xuất khẩu nông sản chủ lực. Tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước, phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là quản trị doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực quan trọng; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí. Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản nhà nước; thực hiện tái cơ cấu phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Có chính sách phù hợp, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận

bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu; chú trọng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và vươn ra thị trường quốc tế hiệu quả, bền vững. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi. Thực hiện các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp, chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi.

Xây dựng cơ chế hiệu quả thu hút có chọn lọc vốn đầu tư nước ngoài gắn với chuyển giao, học hỏi và tiếp thu công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh về công nghệ; tăng cường kết nối khu vực kinh tế có vốn nước ngoài với các khu vực kinh tế trong nước. Đổi mới chính sách thu hút FDI theo hướng chuyển từ trọng tâm ưu đãi thuế sang các chính sách ưu đãi khác, áp dụng ưu đãi sau - ưu đãi theo kết quả; đầu tư hiệu quả ra nước ngoài. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã. Nghiên cứu thành lập, phát triển các khu thương mại tự do thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.

Phát triển thị trường trong nước trở thành điểm tựa quan trọng cho tăng trưởng; chuyển dịch mạnh mẽ sang các loại hình phân phối hiện đại. Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng quy mô lớn, thực chất, hiệu quả. Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch số; kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe, mua sắm hàng hoá; xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp đột phá phát triển du lịch để thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030.

Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược của các nước.

4. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả: (i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của

Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; (ii) các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ; (iii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Tập trung chuyển đổi cơ cấu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động gắn với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và hội nhập trong bối cảnh mới; đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu doanh nghiệp, nhất là trong các ngành công nghiệp, dịch vụ chủ lực; nâng cao chất lượng đào tạo đảm bảo người lao động có kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Phát triển đô thị đại học và xây dựng Thái Nguyên trở thành trung tâm giáo dục và đào tạo của khu vực với lợi thế là Đại học Thái Nguyên - cơ sở giáo dục đại học lớn nhất khu vực miền núi phía Bắc; thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo; từng bước hình thành hệ sinh thái đào tạo - nghiên cứu - sản xuất gắn với nhu cầu thực tiễn của tỉnh.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non và triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo lộ trình. Đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông. Tăng cường đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh. Thực hiện các cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hiện đại hóa giáo dục đại học, phát triển một số cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngang tầm các nước tiên tiến. Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới. Đưa giáo dục kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo vào hệ thống giáo dục quốc dân ngay từ chương trình giáo dục mầm non; chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

Tăng cường đào tạo nhân lực chất lượng cao, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực then chốt như công nghiệp, công nghệ, quản lý, y tế, giáo dục. Phát triển nguồn nhân lực số, trang bị kỹ năng số toàn diện cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và xã hội số.

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ nhân tài; tạo môi trường làm việc thuận lợi, khuyến khích người lao động có trình độ cao gắn bó lâu dài với địa phương.

Thực hiện các chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách.

5. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả: (i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (ii) các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ; (iii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt trình độ tiên tiến ở những lĩnh vực quan trọng. Tham mưu, đề xuất xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đầu tư, cơ chế cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ.

Xây dựng và triển khai các khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách thử nghiệm, thí điểm vượt trội trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp gắn với khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn. Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ và xây dựng các cơ sở nghiên cứu, phát triển

các ngành công nghệ cao, chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, công nghệ sinh học; từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghệ cao.

Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm, ưu tiên cho công nghệ chiến lược. Xây dựng các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học mang tính đột phá, tập trung vào các nhóm ngành công nghệ chiến lược. Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số, trọng tâm là công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các “tổng công trình sư” đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia trong và ngoài nước. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cấp quốc gia và phòng thí nghiệm bán dẫn cấp cơ sở tại các cơ sở giáo dục đại học.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội; phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số; tập trung số hoá toàn diện hoạt động quản lý nhà nước và triển khai hiệu quả Đề án 06. Có cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; phát triển mạnh trợ lý ảo cho doanh nghiệp và người dân. Quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Tăng cường các giải pháp bảo vệ hệ thống thông tin, dữ liệu; nâng cao năng lực phòng, chống các nguy cơ mất an toàn thông tin, bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn của các hệ thống số.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả: (i) các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ; (ii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện các Đề án: Phát triển đô thị và hạ tầng thiết yếu giai đoạn 2026 - 2030; Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Phát triển kết cấu hạ tầng các xã khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Phát triển kết cấu hạ tầng: Tập trung đầu tư, hoàn thiện các tuyến giao thông trục chính, các tuyến kết nối với vùng Thủ đô và các địa phương lân cận; nâng cao năng lực vận tải, giảm chi phí logistics, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. **Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông huyết mạch, kết nối vùng, các tuyến đường gắn với các khu công nghiệp, khu du lịch, nghỉ dưỡng; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tăng cường thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp thu hút và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng điện; các dự án, công trình khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng, chống lũ lụt:** Dự án đầu tư mở rộng tuyến Cao tốc CT.07 (Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới); Dự án đầu tư tuyến cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng; Dự án đầu tư tuyến cao tốc Thái Nguyên - Lạng Sơn; Dự án đường vành đai 5 - Hà Nội (đoạn qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên); Dự án Xây dựng tuyến đê Sông Cầu thuộc Hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên; Dự án Xây dựng mới Cầu Gia Bảy, cầu Bến Oánh; Dự án Khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khu vực phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên; các dự án khẩn cấp khắc phục thiên tai, bảo đảm giao thông, xử lý để khắc phục và chống ùn tắc giao thông trong khu vực đô thị và trên các tuyến đường tỉnh, quốc lộ; cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng các xã vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên,... Chú trọng phát triển hạ tầng văn hóa, giáo dục, y tế, đô thị, nông thôn, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đầu tư, tạo đột phá trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; ưu tiên đầu tư, hiện đại hoá hạ tầng số; phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu và trung tâm dữ liệu lớn, bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Quy hoạch, mở rộng, nâng cao chất lượng hạ tầng khu, cụm công nghiệp; đảm bảo đồng bộ về điện, nước, xử lý môi trường; đáp ứng yêu cầu thu hút các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Từng bước hình thành và phát triển hệ thống logistics trên địa bàn; nâng cao năng lực kho bãi, vận chuyển, kết nối với các trung tâm logistics của vùng, phục vụ sản xuất và xuất nhập khẩu. Tăng cường quản lý quy hoạch, sử dụng đất hợp lý trong phát triển hạ tầng; lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu trong quá trình đầu tư và vận hành công trình.

Thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm xử lý dứt điểm những vấn đề thuộc thẩm quyền của các dự án tồn đọng kéo dài (*cả trong và ngoài ngân sách*), đồng thời chủ động báo cáo rõ vướng mắc và kịp thời đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

Thúc đẩy liên kết, phát triển vùng: Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới gồm 2 cấp (*cấp tỉnh và cấp xã*). Phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(sau điều chỉnh). Triển khai hiệu quả các Chương trình hợp tác liên kết phát triển vùng, Biên bản ghi nhớ với các tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Giang, Phú Thọ và một số tỉnh, thành phố khác. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong vùng để triển khai các dự án hạ tầng liên kết; phát huy hiệu quả các công trình có tính chất liên vùng, tạo động lực phát triển chung.

Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới: Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hoà giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới, tăng cường công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang đô thị đảm bảo trật tự đô thị, đồng bộ, mỹ quan theo hướng xanh - sạch - đẹp gắn với phòng chống ngập lụt (**trọng điểm là phường Phan Đình Phùng**). Thực hiện mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng. Nghiên cứu, khai thác không gian ngầm tại đô thị lớn. Sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia; phát triển nhà ở thương mại giá rẻ, nhà ở xã hội theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên (sau điều chỉnh) và danh mục chi tiết các dự án đảm bảo mục tiêu đề ra. Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, bản sắc, bền vững.

7. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý phát triển xã hội bền vững; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả: (i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam; (ii) các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Dân tộc và Tôn giáo xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ; (iii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Đề án Phát triển Y tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Gắn kết chặt chẽ, hài hòa, bảo đảm phát triển văn hóa, xã hội ngang tầm với phát triển kinh tế và mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của quá trình đổi mới, phát triển đất nước. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI).

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa. Thực hiện các giải pháp, hỗ trợ và phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, bảo tồn và phát huy di sản, khuyến khích mạnh mẽ sự sáng tạo trong nghệ thuật, thiết kế, sản xuất nội dung số. Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, giải trí, dịch vụ văn hóa, các ngành kinh tế sáng tạo, kinh tế thể thao, công nghiệp sự kiện, phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa số; hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ văn hóa số; gắn kết văn hóa với du lịch, thương mại và công nghệ, hình thành chuỗi giá trị. Xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển văn hoá, du lịch; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa tâm linh, truyền thống lịch sử, văn hóa trà; khuyến khích sáng tạo sản xuất nội dung số phản ánh bản sắc đời sống văn hóa các dân tộc tỉnh Thái Nguyên. Thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hóa cơ sở. Chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Có chính sách nâng cao đời sống văn hóa, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp Nhân dân.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thích ứng với già hóa dân số. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Tổ chức lại và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Xây dựng, hình thành, phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại. Đảm bảo cho mọi người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần. Phối hợp triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, số sức khỏe điện tử của người dân. Đến năm 2030, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình.

Xây dựng, phát triển hệ thống đa tầng, hiện đại, bao phủ toàn dân; có khả năng hỗ trợ kịp thời đối với nhóm yếu thế, người lao động phi chính thức. Triển khai các giải pháp tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội, hướng tới bao phủ toàn bộ lực lượng lao động. Thực hiện các chính sách giảm nghèo, tránh chông chéo, trùng lặp, gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ kịp thời các nhóm yếu thế trong xã hội. Thực hiện đồng bộ các chương trình, chính sách giảm nghèo; hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng khó khăn. Triển khai các chương trình phát triển

nhà ở, nhất là nhà ở xã hội. Bảo đảm mức sống của gia đình người có công; chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, người cao tuổi, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên. Tăng cường quản lý dân số, nâng cao chất lượng dân số; thực hiện hiệu quả các chính sách về gia đình; bảo vệ, chăm sóc và tạo điều kiện phát triển toàn diện cho trẻ em. Quan tâm, nghiên cứu, tham mưu đề xuất đầu tư phát triển vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo tiếp cận công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Đẩy mạnh cải cách mô hình quản lý xã hội, phát triển đô thị an toàn, đáng sống, thông minh và bền vững. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chính sách xã hội, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập; chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động. Khuyến khích làm giàu chính đáng, phát triển mạnh tầng lớp trung lưu. Hiện đại hóa và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số.

8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả: (i) các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ; (ii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

Tham mưu xây dựng, hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường. Phát triển và vận hành hiệu quả các thị trường bất động sản, quyền sử dụng đất, khoáng sản, năng lượng. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, hạn chế thất thoát, lãng phí, bảo đảm phát triển bền vững. Phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng. Tăng cường kiểm tra, giám sát các nguồn ô nhiễm, xử lý

nghiêm các hành vi vi phạm về môi trường nhằm cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái. Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên và môi trường.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Triển khai kịp thời, hiệu quả các bước tiếp theo theo chủ trương đã được phê duyệt của ***Dự án cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên***, tiếp tục nghiên cứu chủ trương đầu tư ***Dự án Xây dựng các hồ thủy lợi phía Bắc tỉnh Thái Nguyên*** và triển khai các dự án, nhiệm vụ, giải pháp có liên quan. Triển khai các giải pháp phòng, chống ngập lụt, sạt lở, lũ ống, lũ quét tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện ***Dự án Xây dựng tuyến đê Sông Cầu thuộc Hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên, Dự án Xây dựng mới Cầu Gia Bẩy,...***

Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý rác thải. Nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải; khuyến khích tái chế, tái sử dụng chất thải; xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, từng bước hình thành các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải theo quy định.

Khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới tăng trưởng xanh và bền vững.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ.

Tăng cường xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Kiên quyết đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy,... Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo đảm chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống và bảo đảm môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển. Xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại.

10. Triển khai hiệu quả công tác đối ngoại

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả: (i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; (ii) các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ.

Tiếp tục làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với một số tỉnh, thành phố của các nước có quan hệ hợp tác với tỉnh Thái Nguyên, các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài. Thường xuyên quán triệt và triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; thực hiện nghiêm túc các văn bản của Trung ương và của tỉnh về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Chú trọng việc phân tích, đánh giá dự báo tình hình quốc tế, đề xuất các kịch bản ứng phó kịp thời, chủ động, nhất là đối với các vấn đề có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục kết nối, tích cực xây dựng, ký kết các thỏa thuận mới giữa tỉnh Thái Nguyên và các đối tác nước ngoài trên cơ sở tìm hiểu kỹ tiềm năng, điểm tương đồng và các hợp tác cụ thể, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, cùng có lợi.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân; công tác vận động, quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài; công tác tổ chức và quản lý hội nghị hội thảo quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nông nghiệp công nghệ cao, giáo dục - đào tạo, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao,...

Hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro phát sinh trong quá trình hội nhập. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại đáp ứng nhu cầu trong tình hình mới; nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán, năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện các cam kết quốc tế; xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy hội nhập, đáp ứng yêu cầu triển khai các chương trình hợp tác và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại; tiếp tục tăng cường và đẩy mạnh việc triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành trong cả nước, nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Thủ đô và đồng bằng sông Hồng trong xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, phát triển hạ tầng, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo việc làm; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đi vào chiều sâu, thực chất. Đẩy mạnh các hình thức ngoại giao mới (*ngoại giao khoa học - công nghệ, ngoại giao số, ngoại giao văn hóa, ngoại giao công thương,...*).

11. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân; nâng cao năng lực quản trị xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả: (i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; (ii) các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ.

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh theo phân cấp, phân quyền. Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán, hiệu quả. Đổi mới công tác truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật và tăng cường xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong cán bộ, công chức và Nhân dân. Thúc đẩy phát triển hệ thống dịch vụ pháp lý, hỗ trợ pháp lý, trợ giúp pháp lý.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp xây dựng hệ thống quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển, xây dựng chính phủ số, chính quyền số. Tiếp tục đổi mới, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền một cách khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm gần dân, sát cơ sở, phục vụ nhân dân hiệu quả.

Đề xuất hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện cơ chế thu hút, tuyển dụng,

trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, quy định rõ ràng, cụ thể về các cơ chế, chính sách khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, tài sản quốc gia. Tăng cường trách nhiệm giải trình, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức; thực hiện chính sách, thể chế về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH, VAY TRẢ NỢ CÔNG, ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIỮA ĐOẠN 2026 – 2030

1. Nhiệm vụ, giải pháp về tài chính – ngân sách

Quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên. Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng hiệu quả, tiết kiệm, ưu tiên bố trí nguồn lực cho chi đầu tư phát triển, các công trình, dự án trọng điểm, các lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội; từng bước giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Xây dựng mức bội chi ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm trong phạm vi mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an ninh, an toàn tài chính trong phạm vi cân đối ngân sách nhà nước. Nâng cao hiệu quả phân cấp quản lý ngân sách; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính; đẩy mạnh công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, vừa thúc đẩy tăng trưởng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế, bảo đảm tính trung lập của hệ thống thuế. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lợi nhuận sau thuế của khu vực doanh nghiệp nhà nước, vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, vừa không ảnh hưởng lớn tới nguồn thu của ngân sách nhà nước.

Chủ động huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực ngoài ngân sách; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công – tư (PPP) trong phát triển kết cấu hạ tầng và cung cấp dịch vụ công.

Tập trung khai thác các nguồn thu mới; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu ngân sách nhà nước. Không quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, để lại nguồn thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị (*trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền*).

Từ năm 2027 cân đối vào ngân sách nhà nước một số nhiệm vụ an ninh, quốc phòng đã được Bộ Chính trị phê duyệt, trước đây sử dụng từ nguồn hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước.

Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; *hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới*; các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi đề xuất đầu tư, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.

Rà soát các vướng mắc trong đầu tư công, sớm tổng kết và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công.

2. Nhiệm vụ, giải pháp về vay, trả nợ công

Quản lý chặt chẽ việc vay, trả nợ của ngân sách địa phương trong phạm vi được phép; bảo đảm các chỉ tiêu an toàn nợ theo quy định; đảm bảo các chỉ tiêu nợ công địa phương nằm trong giới hạn an toàn theo khuyến nghị của Bộ Tài chính và Quốc hội, tuân thủ các ngưỡng cảnh báo về nợ công theo Nghị quyết số 23/2021/QH15 và Kết luận số 18-KL/TW. Sử dụng vốn vay hiệu quả, tập trung cho các dự án hạ tầng quan trọng, có khả năng tạo nguồn thu và lan tỏa phát triển. Xây dựng và thực hiện kế hoạch vay, trả nợ công trung hạn và hằng năm gắn với kế hoạch đầu tư công; bảo đảm cân đối giữa nhu cầu đầu tư và khả năng trả nợ, không để phát sinh nợ quá hạn. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay; nâng cao hiệu quả đầu tư, phòng ngừa thất thoát, lãng phí; gắn trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý và sử dụng vốn vay. Chủ động kiểm soát các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn; nâng cao năng lực quản lý tài chính – ngân sách; bảo đảm ổn định tài chính địa phương trong trung và dài hạn.

3. Nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư công trung hạn

Tổ chức các trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công đảm bảo tiến độ theo quy định; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư; tăng cường thẩm định, lựa chọn dự án bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; xây dựng *Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên* đảm bảo lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên có trọng tâm, trọng điểm trên các lĩnh vực, đảm bảo *giảm số lượng dự án tối thiểu 30%* so với giai đoạn 2021-2025; bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, các dự án hạ tầng giao thông, khu công nghiệp, đô thị, chuyển đổi số,... có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết.

Triển khai thực hiện có hiệu quả khi được ban hành theo quy định đảm bảo phân bổ nguồn vốn thực hiện theo tiến độ, theo kế hoạch, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản, lãng phí, thất thoát trong đầu tư công; theo dõi, kiểm tra, giám sát các công trình, dự án đầu tư công định kỳ; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, quyết toán và bàn giao cho cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản để khai thác, xử lý, quản lý, sử dụng hiệu quả theo quy định. Thực hiện các cơ chế, chính sách huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo các mô hình hợp tác công - tư.

Siết chặt quản lý trong tất cả các khâu từ *thiết kế, thi công đến nghiệm thu, thanh quyết toán*; đảm bảo công trình đạt chất lượng, hiệu quả đầu tư, đảm bảo tiến độ, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

Rà soát, phân loại các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả; xây dựng phương án xử lý cụ thể đối với từng dự án, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển hoặc chấm dứt đối với các dự án không hiệu quả. Xử lý triệt để các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai đến trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực.

Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong từng khâu thực hiện; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; gắn kết quả thực hiện dự án, kết quả giải ngân vốn đầu tư công với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chương trình hành động này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh.

Các nội dung đã thực hiện theo Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Chương trình hành động này.

2. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

- Tập trung quán triệt, tuyên truyền hiệu quả nội dung Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ, Kế hoạch hành động số 72-KH/TU ngày 19/4/2026 của Tỉnh ủy và Chương trình hành động này của UBND tỉnh đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động rà soát, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chủ yếu tại mục II nêu trên đối với các nội dung thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, nghiên cứu xây dựng và ban hành

Chương trình/Kế hoạch hành động thuộc phạm vi quản lý bảo đảm thực hiện kịp thời, hiệu quả những nội dung liên quan tại Chương trình hành động này (*trường hợp đơn vị đã ban hành Chương trình/Kế hoạch thì tiến hành cập nhật, bổ sung*), trong đó phải thể hiện bằng các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, lộ trình triển khai thực hiện, đảm bảo 6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; trên cơ sở Chương trình hành động của UBND tỉnh và Chương trình/Kế hoạch hành động của mình, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm; tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả; báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính kết quả thực hiện theo quy định.

- Tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ, Kế hoạch hành động số 72-KH/TU ngày 19/4/2026 của Tỉnh ủy và Chương trình hành động này của UBND tỉnh; hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh, các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục I và Phụ lục II. Trong quá trình tổ chức thực hiện đặc biệt lưu ý cần nghiêm túc quán triệt thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ gắn với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy; có quyết tâm chính trị cao; dự báo chính xác, kịp thời diễn biến của tình hình; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống; nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ và Chương trình hành động này của UBND tỉnh; định kỳ 6 tháng và hằng năm đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính để theo dõi và tổng hợp theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này của UBND tỉnh, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Tài chính để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo và kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động này; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, căn cứ vào tình hình thực tiễn và chỉ đạo mới của Trung ương, các đề xuất, kiến nghị nội dung cần sửa đổi, bổ sung của các cơ quan, đơn vị, địa phương, UBND tỉnh sẽ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cho phù hợp nhằm đạt và vượt các mục tiêu đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Các chuyên viên TMTH;
- Lưu: VT, TH.

phụ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Tuấn

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 VỚI THỰC HIỆN MỤC TIÊU
PHÂN ĐẦU TĂNG TRƯỞNG “2 CON SỐ”

(Kèm theo Chương trình số *04* /CTr-UBND ngày *20* /4/2026 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
1	Quy mô GRDP theo giá hiện hành	Nghìn tỷ đồng	361,600	Thống kê tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
	<i>Cơ cấu kinh tế:</i>				
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	8,9		
-	Công nghiệp, xây dựng	%	54,6		
-	Dịch vụ	%	33,41		
-	Thuế, trợ cấp sản phẩm	%	3,09		
2	Tốc độ tăng GRDP	%	≥ 10,5		
3	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030	Triệu đồng/người	220		
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	35	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
5	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân	%	12,5	Sở Công Thương	Thuế tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan
6	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đến năm 2030		Nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
7	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030	%	47	Sở Công Thương	Thống kê tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan
8	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng	%	15	Sở Công Thương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thống kê tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Nghìn tỷ đồng	793,3	Thống kê tỉnh	Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan
10	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%	68		
11	Vốn đầu tư công so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội	%	14-15	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
12	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đến năm 2030	%	55	Sở Tài chính	Sở khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan
13	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân năm	%	≥ 9	Thống kê tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	<i>Trong đó: Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của khu vực kinh tế tư nhân</i>	%	8,5-9,5	Thống kê tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
14	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân năm	%	4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	<i>Tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè đến năm 2030</i>	Nghìn tỷ đồng	25		
15	Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	48.112,70	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	<i>Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu hàng hóa</i>	%	10		
-	<i>Tốc độ tăng xuất khẩu dịch vụ</i>	%	10		
16	Đến năm 2030, phần đầu thu hút các dự án năng lượng tái tạo theo quy định VIII với tổng công suất	MW	1.380	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
17	Khu công nghiệp đạt chuẩn khu công nghiệp sinh thái	Khu	01	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Sở Công Thương, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan
18	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030	%	35	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan
19	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đến năm 2030	Doanh nghiệp	36.000	Sở Tài chính	Thuế tỉnh, Thống kê tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan
20	Số km đường được nâng cấp	km	244	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan
21	Tỉ lệ đô thị hóa ¹ đến năm 2030	%	>55%	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
22	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Nghìn tỷ đồng	173,87	Sở Tài chính	Thuế tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan
23	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước (không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu)	%	12,5	Sở Tài chính	Thuế tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan
24	Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với GRDP	%	≥ 12,5	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
25	Tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước	%	89	Thuế tỉnh	Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan

¹ Theo Đề án số 19-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị và hạ tầng thiết yếu tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
26	Tổng chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	262,2	Sở Tài chính	Kho bạc Nhà nước khu vực VII, các cơ quan, đơn vị có liên quan
27	Chi đầu tư phát triển	Nghìn tỷ đồng	84,3	Sở Tài chính	Kho bạc Nhà nước khu vực VII, các cơ quan, đơn vị có liên quan
28	Tỷ lệ chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách nhà nước	%	32-35	Sở Tài chính	Kho bạc Nhà nước khu vực VII, các cơ quan, đơn vị có liên quan
29	Tỷ lệ bố trí dự phòng trong tổng chi ngân sách giai đoạn 2026-2030	%	10	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
30	Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương	Tỷ đồng	4.950	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
31	Dân số	Nghìn người	1.845,7	Thống kê tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Tốc độ tăng dân số bình quân	%	1,52		
32	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	≥75,5	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
33	Chỉ số phát triển con người (HDI)		≥ 0,79	Thống kê tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
34	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Nghìn người	>826	Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan
35	Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế			Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	15,73		
-	Công nghiệp, xây dựng	%	43,83		
-	Dịch vụ	%	40,44		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
36	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	>75	Sở Nội vụ	
-	<i>Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	≥38	Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan
37	Tỷ lệ thất nghiệp				
-	Ở khu vực thành thị	%	<3	Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Ở khu vực nông thôn	%	<2,3		
38	Năng suất lao động theo giá hiện hành	Triệu đồng/ lao động	≥437	Thống kê tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	<i>Tốc độ tăng năng suất lao động</i>	%	≥9		
39	Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ	≥19	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Số giường bệnh trên một vạn dân	Giường bệnh	≥50		
40	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	100	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
41	Giáo dục đào tạo				
-	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	82	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú	%	100		
42	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030)	Điểm %/năm	>1,5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
43	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/ người/tháng	>8	Thống kê tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
44	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định				
-	Tại nông thôn	%	80	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
-	Tại thành thị	%	100	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
45	Xây dựng nông thôn mới				
-	Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	73	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (từ năm 2026 sẽ có tiêu chí mới)	%	95		
46	Chỉ tiêu văn hóa				
-	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	>90		
-	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hóa	%	>90		
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	>92	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Số Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao trên mỗi xã, phường	Câu lạc bộ/xã, phường	≥1		
47	Chỉ tiêu chuyển đổi số				
-	Tổng số hồ sơ công việc của cả tỉnh (gồm cấp tỉnh, cấp xã) được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng	%	100		
-	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	100		
-	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	%	100		
48	Tỷ lệ che phủ rừng	%	≥ 60	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
49	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom và xử lý	%	100		
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
50	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định	%	≥95	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
-	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt yêu cầu theo loại đô thị tương ứng	%	70	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
51	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
52	Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, taxi) sử dụng năng lượng xanh	%	≥40	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
53	Chỉ tiêu về quốc phòng				
-	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số của tỉnh	%	≥3,2	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định	%	100		
54	Chỉ tiêu về an ninh			Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Tỷ lệ xã, phường trên địa bàn tỉnh không có ma túy	%	100		
-	Tỷ lệ giảm tai nạn giao thông trên 3 tiêu chí (Số vụ, số người chết, số người bị thương)	%	5		

Phụ lục II**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ NĂM 2026***(Kèm theo Chương trình số 04 /CTr-UBND ngày 20/4/2026 của UBND tỉnh)*

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
I	Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số"			
1	Thực hiện quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ, Kế hoạch hành động số 72-KH/TU ngày 19/4/2026 của Tỉnh ủy và Chương trình hành động này của UBND tỉnh	Tháng 4/2026 và thực hiện thường xuyên	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	
II	Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển			
1	Theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý, triển khai, tham mưu triển khai thực hiện các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách; đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật, khung pháp lý và các nội dung liên quan do các Bộ, ngành xây dựng, ban hành trong năm 2026 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ	Năm 2026 (Đảm bảo tiến độ theo thời gian xây dựng, ban hành cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương)	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
2	Ban hành Kế hoạch tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh	Hoàn thành trong tháng 4/2026	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
3	Thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh	2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
4	Tháo gỡ các rào cản, điểm nghẽn thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, khơi thông nguồn lực cho phát triển.	2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	
5	Rà soát, đánh giá, báo cáo tính khả thi và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền, tháo gỡ triệt để các vướng mắc cho chính quyền địa phương 2 cấp	Quý II/2026	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
6	Triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/2/2026 của UBND tỉnh	2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường
7	Triển khai thực hiện lập Quy hoạch đô thị theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ	Năm 2026	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Sở Xây dựng; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
8	Triển khai thực hiện lập Quy hoạch chung xã, phường theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, địa bàn quản lý	Năm 2026	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
9	Số hoá và làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Quý II/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
10	Hoàn thành các phương án và ban hành đầy đủ các quy định để xử lý triệt để khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai đến trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực	Quý III/2026	Sở Tài chính đầu mối phối hợp tổng hợp, đề xuất xử lý các dự án 751. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
			dựng, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.	
11	Tổ chức rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án hạ tầng trên địa bàn, nhất là về giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư và nguồn vốn; đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Năm 2026	Sở Xây dựng; các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	
12	Tăng cường kiểm tra, giám sát các dự án sử dụng đất; kiên quyết xử lý, thu hồi đối với các dự án chậm triển khai, sử dụng đất kém hiệu quả theo quy định	Quý II/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
13	Rà soát, xử lý hiệu quả nhà, đất, tài sản công không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả đã chuyển giao về địa phương: thực hiện giao, điều chuyển, sử dụng làm thiết chế văn hóa, thư viện, sinh hoạt cộng đồng, điểm chăm sóc sức khỏe ban đầu, khai thác, đấu giá theo quy định	Năm 2026	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
14	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm tối thiểu 50% thời gian và chi phí tuân thủ; đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thiết lập đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp theo cơ chế một cửa, giải quyết nhanh, dứt điểm	Quý II/2026	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	
15	Rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước trong các lĩnh vực công nghiệp, khu công nghiệp, khoáng sản, đổi mới sáng tạo; bảo đảm thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; thúc đẩy phát triển công nghiệp, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trên địa bàn	Quý III/2026	Các sở, ban, ngành	UBND các xã, phường
16	Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030	Ban hành Quý II/2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
17	Triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%”	2026 - 2030	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
18	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm tối thiểu 50% thời gian và chi phí tuân thủ; đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thiết lập đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp theo cơ chế một cửa, giải quyết nhanh, dứt điểm	Quý II/2026	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
19	Phát triển các mô hình kinh tế gắn với tình hình, điều kiện phát triển thực tế của tỉnh: kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn	2026 - 2030	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
20	Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao năng lực tổ chức thực thi của các cấp, các ngành và gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát theo quy định	2026 - 2030	Các sở, ban, ngành	UBND các xã, phường
III	Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính			
1	Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do các Bộ, ngành xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ	Năm 2026 (Đảm bảo tiến độ theo thời gian xây dựng, ban hành cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương)	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
2	Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện 09 Nghị quyết của Bộ Chính trị; Kế hoạch thực hiện các đề án ² của Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh	Hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

² Phát triển công nghiệp tinh Thái Nguyên theo hướng xanh, hiện đại giai đoạn 2026 – 2030; Phát triển thương mại, dịch vụ tinh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030; Phát triển kinh tế tư nhân tinh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Phát triển du lịch tinh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
3	Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo quy định	Quý II/2026	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
4	Rà soát, tham mưu, đề xuất bổ sung và giao mục tiêu tăng trưởng trên từng lĩnh vực như đầu tư, tăng trưởng các ngành và chuyển đổi số, đổi mới công nghệ,... cho các địa phương, doanh nghiệp nhà nước năm 2026 và giai đoạn 5 năm	Tháng 4/2026	Các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
5	Hoàn thiện phương án đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hoá và thoái vốn doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí	Tháng 5/2026	Sở Tài chính và các Doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
6	Thu hút đầu tư và mở rộng không gian phát triển công nghiệp của tỉnh, trong đó tập trung phát triển 13 khu công nghiệp đã được thành lập, đồng thời thực hiện quy hoạch, lựa chọn nhà đầu tư đối với 20 khu công nghiệp mới bổ sung theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh	2026 - 2030	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
7	Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics; hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại, phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa; các nội dung về tăng cường xuất khẩu hàng hóa; phát triển ngành thương mại – dịch vụ	2026 - 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
8	Đẩy nhanh tiến độ triển khai và đưa vào khai thác các dự án lớn như: Dự án khu du lịch quốc tế 5 sao hồ Núi Cốc; Dự án khu đô thị mới, phố đi bộ trung tâm tỉnh; Dự án Khách sạn Route Inn Grand Thái Nguyên;... Khai thác sử dụng hiệu quả 02 Dự án Sân gôn đầu tiên của tỉnh (Sân gôn Tân Thái tại xã Đại Phúc và Sân gôn Glory tại xã Thành Công). Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ du lịch cao cấp (khu nghỉ	2026 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MUỘ, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	duỡng, khu phức hợp, sân gôn), du lịch cộng đồng gắn với văn hóa Trà Thái Nguyên, du lịch về nguồn – giáo dục truyền thống,... dựa trên thế mạnh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm, tâm linh và du lịch liên kết vùng.			
9	Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với liên kết sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất an toàn, hữu cơ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số	2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
10	Xây dựng hạ tầng trọng yếu cho phát triển kinh tế không gian tầm thấp	2026	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
11	Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa, xã hội	2026	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
12	Thành lập Hiệp hội doanh nghiệp FDI theo quốc gia	Quý II/2026	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
13	Thu hút FDI gắn với chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực	2026 - 2030	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
14	Các giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu trong việc nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước, phát triển khu vực kinh tế tư nhân	2026 - 2030	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
IV	Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
1	<p>Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả:</p> <p>(i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;</p> <p>(ii) Các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>(iii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030.</p>	Hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
2	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; phát triển mạnh trợ lý ảo cho doanh nghiệp và người dân	2026 - 2030	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
3	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh IOC tỉnh Thái Nguyên; đảm bảo thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình	Quý III/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
4	Phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng dữ liệu	Năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
V	Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam			

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
1	<p>Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả:</p> <p>(i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam;</p> <p>(ii) Các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>(iii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Đề án Phát triển Y tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.</p>	Hàng năm và giai đoạn 2026 - 2030	Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Dân tộc và Tôn giáo theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
2	Các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	2026 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
VI	Xây dựng nền giáo dục quốc dân, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài			
1	<p>Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả:</p> <p>(i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;</p> <p>(ii) Các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>(iii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030</p>	Hàng năm và giai đoạn 2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
2	Thực hiện Quyết định số 1851/BGDĐT-ĐANN ngày 11/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045	2026 - 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
3	Thực hiện Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
4	Thực hiện Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Đề án Bảo đảm cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý giai đoạn 2026 – 2030 và Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 28/02/2026 thực hiện Đề án Bảo đảm cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý giai đoạn 2026 - 2030	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
5	Thực hiện Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
6	Thực hiện Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
VII	Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng			
1	Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả: (i) Các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ; (ii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện các	Hàng năm và giai đoạn 2026 - 2030	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	Đề án: Phát triển đô thị và hạ tầng thiết yếu giai đoạn 2026 - 2030; Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Phát triển kết cấu hạ tầng các xã khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030			
2	Đon đốc, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông huyết mạch, kết nối vùng, các tuyến đường gắn với các khu công nghiệp, khu du lịch, nghỉ dưỡng; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tăng cường thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp thu hút và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng điện; các dự án, công trình khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng, chống lũ lụt	2026 - 2030 (Đảm bảo tiến độ theo thời gian thực hiện của từng dự án cụ thể)	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
3	Phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau điều chỉnh). Tham mưu triển khai hiệu quả các Chương trình hợp tác liên kết phát triển vùng, Biên bản ghi nhớ với các tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Giang, Phú Thọ và một số tỉnh, thành phố khác	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MUU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
4	Tăng cường công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang đô thị đảm bảo trật tự đô thị, đồng bộ, mỹ quan theo hướng xanh - sạch - đẹp gắn với phòng chống ngập lụt (<i>trọng điểm là phường Phan Đình Phùng</i>). Thực hiện mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng. Nghiên cứu, khai thác không gian ngầm tại đô thị lớn. Sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia; phát triển nhà ở thương mại giá rẻ, nhà ở xã hội theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên (<i>sau điều chỉnh</i>) và danh mục chi tiết các dự án đảm bảo mục tiêu đề ra.	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
5	Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, bản sắc, bền vững	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
6	Phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng dữ liệu	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
7	Xây dựng hạ tầng trọng yếu cho phát triển kinh tế không gian tầm thấp	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
8	Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
VIII	Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống nhân dân			

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MUÙ, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
1	<p>Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả:</p> <p>(i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân</p> <p>(ii) Các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Y tế; Bộ Dân tộc và Tôn giáo xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>(iii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Phát triển Y tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.</p>	Hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030	Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Dân tộc và Tôn giáo theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
2	Các nhiệm vụ về xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thích ứng với già hóa dân số	2026 - 2030	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
3	Các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, bao phủ toàn dân; có khả năng hỗ trợ kịp thời đối với nhóm yếu thế, người lao động phi chính thức	2026 - 2030	Sở Y tế, Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo và các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
4	Đẩy mạnh cải cách mô hình quản lý xã hội, phát triển đô thị an toàn, đáng sống, thông minh và bền vững. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chính sách xã hội, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội. Hiện đại hóa và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số	2026 - 2030	Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
IX	Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu			

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
1	<p>Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả:</p> <p>(i) Các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>(ii) Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030.</p>	Hàng năm và giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
2	<p>Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng. Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái. Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất</p>	2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
3	<p>Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Triển khai các giải pháp phòng, chống ngập lụt, sạt lở, lũ ống, lũ quét tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh.</p>	2026 – 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
4	<p>Triển khai kịp thời, hiệu quả các bước tiếp theo theo chủ trương đã được phê duyệt của Dự án cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, tiếp tục nghiên cứu chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng các hồ thủy lợi phía Bắc tỉnh Thái</p>	2026 – 2030 (Đảm bảo tiến độ theo thời gian)	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh,	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan,

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	Nguyên và triển khai các dự án, nhiệm vụ, giải pháp có liên quan. Triển khai các giải pháp phòng, chống ngập lụt, sạt lở, lũ ống, lũ quét tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án Xây dựng tuyến đê Sông Cầu thuộc Hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên, Dự án Xây dựng mới Cầu Gia Bảy,...	thực hiện của từng dự án cụ thể)	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	đơn vị, địa phương liên quan
X	Về củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa			
1	Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ.	2026 - 2030 (Đảm bảo tiến độ theo thời gian xây dựng, ban hành cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương đối với từng nội dung)	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
2	Tăng cường xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Kiên quyết đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy... Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo đảm chủ quyền	2026 - 2030	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống và bảo đảm môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển. Xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại.			
XI	Về nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại trong tình hình mới			
1	<p>Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả:</p> <p>(i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;</p> <p>(ii) Các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ.</p>	<p>2026 - 2030 (Đảm bảo tiến độ theo thời gian xây dựng, ban hành cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương đối với từng nội dung)</p>	<p>Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý</p>	<p>Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan</p>
2	<p>Tiếp tục làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với một số tỉnh, thành phố của các nước có quan hệ hợp tác với tỉnh Thái Nguyên, các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>Tiếp tục kết nối, tích cực xây dựng, ký kết các thỏa thuận mới giữa tỉnh Thái Nguyên và các đối tác nước ngoài trên cơ sở tìm hiểu kỹ tiềm năng, điểm tương đồng và các hợp tác cụ thể, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, cùng có lợi.</p> <p>Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân; công tác vận động, quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài; công tác tổ chức và quản lý hội nghị hội thảo quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nông nghiệp công nghệ cao, giáo dục - đào tạo, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao,...</p> <p>Hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro phát sinh trong quá trình hội nhập.</p>	<p>2026 - 2030</p>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn quản lý</p>	<p>Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan</p>

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	<p>Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại; tiếp tục tăng cường và đẩy mạnh việc triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại tinh Thái Nguyên đến năm 2030.</p> <p>Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành trong cả nước, nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Thủ đô và đồng bằng sông Hồng trong xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, phát triển hạ tầng, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo việc làm; bảo đảm quốc phòng, an ninh.</p> <p>Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đi vào chiều sâu, thực chất. Đẩy mạnh các hình thức ngoại giao mới (<i>ngoại giao khoa học - công nghệ, ngoại giao số, ngoại giao văn hóa, ngoại giao công thương,...</i>).</p>			
XII	<p>Về đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính hành động, phục vụ nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</p>			
1	<p>Triển khai, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả:</p> <p>(i) Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;</p> <p>(ii) Các chương trình, chiến lược, đề án, cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan do Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ.</p>	<p>2026 - 2030 (Đảm bảo tiến độ theo thời gian xây dựng, ban hành cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương đối với từng nội dung)</p>	<p>Sở Tư pháp; Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý</p>	<p>Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan</p>

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
2	<p>Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh theo phân cấp, phân quyền. Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán, hiệu quả. Đổi mới công tác truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật và tăng cường xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong cán bộ, công chức và Nhân dân. Thúc đẩy phát triển hệ thống dịch vụ pháp lý, hỗ trợ pháp lý, trợ giúp pháp lý.</p> <p>Tiếp tục thực hiện các giải pháp xây dựng hệ thống quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển, xây dựng chính phủ số, chính quyền số. Tiếp tục đổi mới, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, uỷ quyền một cách khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm gần dân, sát cơ sở, phục vụ nhân dân hiệu quả.</p> <p>Đề xuất hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, quy định rõ ràng, cụ thể về các cơ chế, chính sách khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.</p>	2026 - 2030	Sở Tư pháp; Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
3	Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, tài sản quốc gia. Tăng cường trách nhiệm giải trình, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức; thực hiện chính sách, thể chế về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.	2026 - 2030	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn quản lý	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
XIII	Về tài chính ngân sách, đầu tư công trung hạn			

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
1	Quản lý, điều hành NSNN hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững của nền tài chính quốc gia. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phấn đấu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm. Xây dựng mức bội chi NSNN hằng năm bảo đảm trong phạm vi mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia trong phạm vi cân đối NSNN.	2026 - 2030	Sở Tài chính đầu mối, chủ trì theo dõi, hướng dẫn, triển khai thực hiện. Các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ thu, tiết kiệm chi thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
2	Đối với chính sách đặc thù tài chính - NSNN của địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu NSNN. Không quy định phân cấp nguồn thu NSNN, để lại nguồn thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật NSNN, Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị (<i>trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền</i>).	2026 - 2030	Sở Tài chính; Thuế tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
3	Tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; các sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.	2026 - 2030	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
4	Thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo quy định, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên.	2026 - 2030	Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
5	Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 cấp tỉnh, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định.	Quý II/2026	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU, THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP
6	Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu dài hạn, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với NSNN để triển khai các dự án lớn.	2026-2030	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan
7	Hoàn thành hướng dẫn thực hiện phân bổ vốn cho các dự án theo kết quả đầu ra, gắn với hạch toán kinh tế – xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định.	Tháng 4/2026	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan